

CỤC THUẾ  
**THUẾ TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 2775 /PTH-QLDN1  
V/v kê khai và nộp phí bảo vệ  
môi trường đối với nước thải.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 24 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH Dệt kim Supertex - Tân Lạc  
Mã số thuế: 5400520355  
Địa chỉ trụ sở: Xóm Tân Tiến, xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ.

Thuế tỉnh Phú Thọ nhận được Công văn “số /CV-SPTTL” đề ngày 10/02/2026 của Công ty TNHH Dệt kim Supertex - Tân Lạc (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Về vấn đề này, Thuế tỉnh Phú Thọ có ý kiến như sau:

- Tại Điều 2 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, quy định:

“Điều 2. Đối tượng chịu phí

*Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định này là nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt, trừ trường hợp đã nộp giá dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải và các trường hợp miễn phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, cụ thể như sau:*

1. *Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở) xả vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt quy định tại khoản 2 Điều này.*

2. *Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt bao gồm:*

a) *Nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh từ cơ sở thuộc danh mục các loại hình kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải được quản lý như nước thải sinh hoạt (sau đây gọi chung là nước thải sinh hoạt) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.*

b) *Nước thải của cơ sở phát sinh tổng lượng nước thải trung bình năm dưới 20 m<sup>3</sup>/ngày (tương ứng với 7.300 m<sup>3</sup> /năm) trong trường hợp sử dụng nước từ hệ thống cung cấp nước sạch.”*

- Tại Điều 3 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định Tổ chức thu phí:

“Điều 3. Tổ chức thu phí

*Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gồm:*

1. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường cấp tỉnh, cấp xã theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường là tổ chức thu phí đối với đối tượng chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

Căn cứ tình hình thực tế quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ quan thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở trên địa bàn quy định tại khoản này.

2. Tổ chức cung cấp nước sạch là tổ chức thu phí đối với đối tượng chịu phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

- Tại Điều 5 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định các trường hợp miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong các trường hợp sau:

“Điều 5. Các trường hợp miễn phí

Miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong các trường hợp sau:

1. Nước xả ra từ nhà máy thủy điện bao gồm nước xả ra từ tua bin phát điện của nhà máy thủy điện lấy từ đập, hồ chứa của nhà máy, không qua bất kỳ công đoạn sản xuất, vận hành nào có khả năng gây ô nhiễm (không bao gồm nước thải từ sinh hoạt, từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, vệ sinh công trình và hoạt động cơ khí, kỹ thuật, tổ chức, vận hành khác của nhà máy có tiếp xúc với chất gây ô nhiễm).

2. Nước thải từ nước biển dùng vào sản xuất muối.

3. Nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở địa bàn cấp xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật đầu tư; nước thải sinh hoạt của tổ chức (trừ cơ sở phát sinh tổng lượng nước thải trung bình từ 20 m<sup>3</sup> /ngày (tương ứng với 7.300 m<sup>3</sup> /năm) trở lên), hộ gia đình, cá nhân ở địa bàn chưa có hệ thống cung cấp nước sạch hoặc tự khai thác nước để sử dụng.

4. Nước trao đổi nhiệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Nước thải từ nước mưa tự nhiên chảy tràn.

6. Nước thải từ phương tiện đánh bắt thủy sản, hải sản.

7. Nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung đô thị theo quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải và nước thải của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải của khu chung cư cao tầng, cụm chung cư, khu dân cư tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Nước thải từ hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản.

9. Nước thải từ hoạt động sản xuất, chế biến của cơ sở được tái sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Nước thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản, hải sản.

Căn cứ các quy định nêu trên, Thuế tỉnh Phú Thọ đề nghị Công ty căn cứ thực tiễn hoạt động khai thác nước, mục đích sử dụng nước giếng khoan tự khai thác tại doanh nghiệp, xác định lượng nước thải phát sinh là nước thải công nghiệp hay nước thải sinh hoạt, nguồn xả nước thải và các nội dung, hồ sơ tài liệu có liên quan để triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

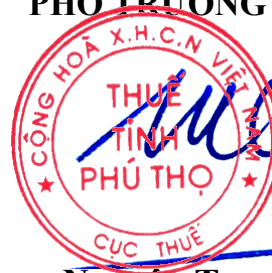
Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, Công ty có thể liên hệ với Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường để được hướng dẫn hoặc tham khảo các văn bản hướng dẫn được đăng tải trên Website của Thuế tỉnh Phú Thọ (<http://phutho.gdt.gov.vn>) hoặc liên hệ với Thuế tỉnh Phú Thọ (số điện thoại: 0210 2206789) và cung cấp bổ sung hồ sơ, tài liệu có liên quan để được hướng dẫn cụ thể.

Thuế tỉnh Phú Thọ có ý kiến đề Công ty TNHH Dệt kim Supertex - Tân Lạc biết, nghiên cứu thực hiện./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trưởng Thuế tỉnh (b/c);
- Các Phòng: QLDN, KTr, NVDTTC (p/h);
- Website Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, QLDN1 (PNTung).

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH  
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



**Nguyễn Trọng Việt Hải**